

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 494/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc R, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-11-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc R trình bày:

Bà có làm chủ hụi và bà Lê Thị C có tham gia các dây hụi, gồm:

Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-4-2021 mãn ngày 10-4-2023 gồm 25 phần. Do dịch Covid nên không khai tháng 8, 9-2023 nên hụi kéo dài thêm 02 tháng. Bà C tham gia 01 phần và đã hốt. Bà C còn nợ 02 kỳ hụi chết với số tiền là 6.000.000 đồng;

Hụi 3.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-6-2022 mãn ngày 10-6-2024, gồm 25 phần. Bà C tham gia 01 phần và là hụi sống, bà C đóng được 11 kỳ hụi sống với số tiền là 20.550.000 đồng;

Hụi 5.000.000 đồng/tháng khai ngày 20-12-2021, mã ngày 20-12-2023, gồm 25 phần. Bà C tham gia 01 phần và đã hốt. Do bể hụi nên hụi không tiếp tục khai, bà C còn nợ 09 kỳ hụi chết với số tiền 45.000.000 đồng.

Sau khi tuyên bố bể hụi, bà C có trả cho bà mỗi tháng từ các tháng 5 đến tháng 9-2023 với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Cán trừ tiền hụi sống và tiền hụi chết, bà C còn nợ bà số tiền là (6.000.000 đồng + 45.000.000 đồng) - (20.550.000 đồng + 15.000.000 đồng) = 15.450.000 đồng. Bà yêu cầu bà C trả cho bà số tiền 15.450.000 đồng còn nợ. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên toà, bà thống nhất số tiền bà C đã trả cho bà từ tháng 5 đến tháng 9-2023 là 16.000.000 đồng. Bà cũng đồng ý tính tiền lãi của số tiền hụi sống mà bà phải trả lại cho bà C theo mức lãi suất quy định của pháp luật tính từ ngày 10-4-2023 đến nay và đồng ý khấu trừ vào tiền hụi chết mà bà C còn nợ bà. Bà đồng ý rút lại số tiền chênh lệch sau khi đã khấu trừ tiền lãi với số tiền theo đơn khởi kiện, bà không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-01-2024 và trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Lê Thị C trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi do bà R làm chủ thảo như bà R vừa trình bày là đúng. Bà không nhớ đóng tiền hụi sống bao nhiêu nhưng bà thống nhất với số tiền mà bà R cung cấp cho Tòa án. Sau khi bà R tuyên bố bể hụi bà có trả cho bà R mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tổng số tiền mà bà đã trả cho bà R là 21.000.000 đồng.

Bà đồng ý trả tiền hụi chết cho những dây hụi bà đã hốt và cũng yêu cầu bà R tính theo tiền hụi mãn đối với 11 kỳ hụi của dây hụi sống cho bà. Sau khi cán trừ số tiền nợ của 02 dây hụi chết (6.000.000 đồng + 45.000.000 đồng) là 51.000.000 đồng cho số tiền tính theo giá hụi chết của dây hụi sống là 33.000.000 đồng và 21.000.000 đồng bà đã trả cho bà R thì bà R còn nợ lại bà 3.000.000 đồng. Do đó bà không còn nợ bà R số tiền hụi nào nữa nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà R. Và bà cũng không yêu cầu bà R trả cho bà số tiền chênh lệch 3.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc R đối với bà Lê Thị C.

Buộc bà Lê Thị C trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền hụi là 15.450.000 đồng sau khi trừ đi số tiền lãi đối với số tiền hụi sống 20.550.000 đồng của bà C chưa hốt theo quy định tính từ ngày bà C ngưng đóng hụi đến ngày xét xử.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thực tế, bà Lê Thị C có tham gia 03 dây hụi như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bà R và bà C không thống nhất được số tiền hụi chết đã trả từ tháng 5 đến tháng 9-2023 và số tiền hụi sống mà bà R phải thanh toán lại cho bà C.

[1.1] Đối với 02 dây hụi chết:

Qua thu thập chứng cứ, các đương sự thống nhất số tiền hụi chết bà C còn nợ của 02 dây hụi 3.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-4-2021 và 5.000.000 đồng/tháng khai ngày 20-12-2021 là 51.000.000 đồng là 51.000.000 đồng.

Theo bà C thì cho rằng tổng số tiền bà đã trả cho bà R là 21.000.000 đồng, bao gồm các lần:

Lần 1: trả số tiền 5.000.000 đồng tại quán chị Hà (không nhớ thời gian);

Lần 2: vào tháng 5-2023 trả số tiền là 5.000.000 đồng;

Lần 2: vào tháng 6-2023 trả số tiền là 3.000.000 đồng;

Lần 2: vào tháng 7-2023 trả số tiền là 3.000.000 đồng;

Lần 2: vào tháng 8-2023 trả số tiền là 3.000.000 đồng;

Lần 2: vào tháng 9-2023 trả số tiền là 2.000.000 đồng.

Tuy nhiên bà R chỉ thừa nhận các lần bà C trả tiền từ tháng 5 đến tháng 9-2023 với tổng số tiền là 16.000.000 đồng, bà R không thừa nhận số tiền 5.000.000 đồng mà bà C cho rằng đã trả cho bà R tại quán chị Hà. Và bà C cũng không chứng minh được. Do đó có căn cứ xác định, trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 9-2023, bà C có trả cho bà R được tổng số tiền là 16.000.000 đồng.

[1.2] Đối với dây hụi sống:

Bà R và bà C thống nhất, dây hụi 3.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-6-2022 bà C chưa hốt, các đương sự cũng thống nhất số tiền hụi sống mà bà C đã đóng trong 11 kỳ là 20.550.000 đồng. Tuy nhiên, bà C yêu cầu bà R thanh toán lại theo tiền hụi mãn tức 11 kỳ x 3.000.000 đồng/tháng = 33.000.000 đồng. Tuy nhiên, không được bà R đồng ý.

Tại phiên tòa, bà R đồng ý tính tiền lãi của số tiền hụi sống mà bà C đã đóng theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 10-4-2023 đến ngày xét xử (tức 09 tháng 16 ngày). Và tiền lãi được tính như sau:

$20.550.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 09 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 1.632.250 \text{ đồng.}$

[1.3] Các đương sự đều thống nhất khấu trừ phần tiền hụi sống, tiền lãi của tiền hụi sống và số tiền bà C đã trả cho bà R sau khi bà R tuyên bố bẻ hụi

vào tiền hụi chết mà bà C còn nợ bà R. Và sau khi khấu trừ, số tiền hụi chết còn nợ là:

$$51.000.000 - (16.000.000 + 20.550.000 + 1.632.250) = 12.817.750 \text{ đồng.}$$

Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà R số tiền hụi còn nợ là 12.817.750 đồng theo quy định tại Điều 417 của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường.

[2] Tại phiên toà, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.632.250 đồng. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà C thuộc trường hợp được miễn nộp án phí và có đơn xin miễn án phí được Hội đồng xét xử chấp nhận nên được miễn tiền án phí phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc R đối với bà Lê Thị C.

Buộc bà Lê Thị C trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền hụi là 12.817.750 (*Mười hai triệu tám trăm mười bảy nghìn bảy trăm năm mươi*) đồng.

Kể từ ngày bà R có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc R đối với số tiền 3.632.250 (*Ba triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn hai trăm năm mươi*) đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà C được miễn nộp tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Cương